

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu:**

- Tên dự toán: Mua sắm vật tư y tế lần 1 phục vụ hoạt động thường xuyên năm 2025 - 2026 của Bệnh viện đa khoa Vĩnh Bảo;
- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế lần 1 phục vụ hoạt động thường xuyên năm 2025-2026 của Bệnh viện đa khoa Vĩnh Bảo;
- Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Vĩnh Bảo;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng;
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ;
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Bệnh viện đa khoa Vĩnh Bảo; Địa chỉ: Thôn Tân Hòa, xã Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:**

##### **1.2.1. Yêu cầu chung:**

- Hàng hóa được cung cấp phải là hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025 trở về sau và phải là hàng hóa chính hãng.
- Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá (nhà thầu không được tham chiếu tới các nội dung khác trong E-HSĐT mà phải đề xuất cụ thể theo mẫu tại Chương IV).
- Đối với hàng hóa là thiết bị y tế, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu sau đây:
  - + Bản phân loại thiết bị y tế được đăng tải trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến về quản lý thiết bị y tế của Bộ Y tế (IMDA) theo quy định.
  - + Các tài liệu chứng minh theo quy định tại Điều 22 Nghị định 98/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành:
    - + Giấy chứng nhận lưu hành/ Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn/ Giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực phù hợp với hàng hóa được xác định là thiết bị y tế dự thầu theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành:
      - \* Đối với thiết bị y tế loại A, B: Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn (số lưu hành) của cơ quan có thẩm quyền và tài liệu chứng minh Số công bố tiêu chuẩn đã được công khai trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến về quản lý thiết bị y tế của Bộ Y tế.
      - \* Đối với thiết bị y tế loại C, D: Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành (số lưu hành) do Bộ Y tế cấp.
    - + Tài liệu chứng minh nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Hướng dẫn sử dụng thiết bị y tế (nếu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo).

+ Thông tin về cơ sở bảo hành, điều kiện và thời gian bảo hành, trừ trường hợp thiết bị y tế sử dụng một lần theo quy định của chủ sở hữu thiết bị y tế hoặc có tài liệu chứng minh không có chế độ bảo hành.

+ Giấy phép nhập khẩu đối với những thiết bị y tế nhập khẩu phải cấp Giấy phép nhập khẩu theo quy định của Bộ Y tế.

+ Tài liệu chứng minh đã thực hiện kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ Y tế (áp dụng với trường hợp thiết bị y tế thuộc danh mục phải kê khai giá).

- Tài liệu chứng minh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu: Nhà thầu phải cung cấp catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa dự thầu và được dẫn chiếu rõ ràng.

- Tất cả các sản phẩm yêu cầu phải tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu).

- Cam kết bàn giao cho chủ đầu tư các giấy tờ sau khi giao hàng:

+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất (CQ) và các giấy tờ liên quan khác theo quy định đối với hàng hóa nhập khẩu.

+ Trường hợp hàng hóa sản xuất trong nước: Giấy chứng nhận xuất xưởng, hóa đơn bán hàng và giấy bảo hành của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối (nếu có).

- Tất cả các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính pháp lý của bản dịch so với bản gốc.

- Nhà thầu có cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của các văn bản có yếu tố nước ngoài, văn bản và catalogue của nhà sản xuất. Trong trường hợp nghi ngờ gian lận tài liệu, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp bản gốc để đối chiếu (có hợp pháp hóa lãnh sự).

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, thông số kỹ thuật do nhà thầu cung cấp. Trong trường hợp phát hiện thông số tại tài liệu nhà thầu cung cấp có sự khác biệt so với thông tin trên website của hãng sản xuất hoặc trường hợp cần thiết khác, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ. Mọi gian lận về hồ sơ, tài liệu, các thông số kỹ thuật của hàng hóa của nhà thầu là căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, tạo cảnh báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc chuyển các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

- Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa dự thầu được đánh dấu vào các thông số kỹ thuật và các nội dung đề xuất để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa, các tài liệu được phân loại thành từng file riêng và ghi tên file tương ứng với từng tài liệu, scan đính kèm E-HSDT để Chủ đầu tư thuận tiện trong việc kiểm tra, đánh giá.

### 1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

Yêu cầu nhà thầu tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào đáp ứng các nội dung yêu cầu kỹ thuật dưới đây hoặc đáp ứng tốt hơn. **Bắt kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu.** Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “**tương đương**” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT. “Tương đương” có nghĩa là có chất lượng, tính năng sử dụng bằng thông số mời thầu. Nhà thầu có văn bản giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh hàng hóa nhà thầu chào có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn. Trường hợp nhà thầu không có văn bản giải trình, tài liệu chứng minh thì đơn vị tư vấn tiến hành đánh giá theo đúng tài liệu kỹ thuật trong E-HSMT của nhà thầu. Tất cả hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT thì mới được coi là đáp ứng và được xem xét, đánh giá ở bước tiếp theo.

Yêu cầu kỹ thuật chi tiết theo bảng dưới đây:

| STT | Danh mục hàng hóa         | Yêu cầu kỹ thuật  | Ghi chú |
|-----|---------------------------|---|---------|
| 1   | Băng chỉ thị nhiệt độ ướt | Kích thước: 24mm x 55m<br>Băng keo chỉ thị nhiệt với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.                                |         |
| 2   | Băng cuộn xô 2.5m x 0.07m | Kích thước: 7cm x 2,5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.   |         |
| 3   | Bơm tiêm 3ml              | Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh.<br>Vạch chia dung tích rõ nét.<br>Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. |         |
| 4   | Đầu nối 3 chạc            | Đầu nối khóa ren với 1 khóa ren chính (kết nối dương) và 2 khóa ren phụ (kết nối âm), nòng trong trơn đảm bảo dòng chảy.<br>Mũi tên chỉ hướng dòng chảy. Thể tích mỗi: 0,26- 0,3ml<br>Chịu áp lực: $\geq 3$ bar( 300kPa)  |         |

|   |                            |   |  |
|---|----------------------------|---|--|
| 5 | Dây thở oxy 2 nhánh        | <p>Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO.</li> <li>- Ống dây mềm, chống vặn xoắn, bề mặt trơn nhẵn.</li> <li>- Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc.</li> <li>- Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu.</li> <li>- Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn.</li> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2.5</math> m, nòng ống có khóa chống gập.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>  |  |
| 6 | Mặt nạ thở oxy bộ khí dung | <p>Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2.5</math>m, chất liệu nhựa PVC .</li> <li>- Các cỡ: M, L, XL.</li> </ul> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>   |  |
| 7 | Băng dính lụa 2,5cm x 5m   | <p>Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm. Nguyên liệu các nước G7 (<i>có tài liệu chứng minh kèm theo E-HSDT</i>), keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. KT cuộn: 2,5cm x 5m.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>   |  |
| 8 | Ống nghiệm EDTA            | <p>Ống nghiệm nhựa PP, kích thước <math>\text{Ø}13 \times 75</math>mm hoặc <math>\text{Ø}12 \times 75</math>mm, dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu xanh dương.</p> <p>Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2), chỉ có 1 vạch chỉ thể tích trên nhãn ống.</p> <p>Chịu được lực quay ly tâm gia tốc <math>\geq 6.000</math> vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (<i>có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng kèm theo E-HSDT</i>)</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p> |  |

|    |  |   |  |
|----|--|---|--|
| 9  | Ống nghiệm Citrate 3,8%                            | <p>Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75mm hoặc Ø12 x 75mm, dung tích tối đa 6ml, nắp nhựa màu xanh lá.</p> <p>Bên trong chứa chất kháng đông Trisodium Citrate Dihydrate 3.8%, chỉ có 1 vạch chỉ thể tích trên nhãn ống.</p> <p>Chịu được lực quay ly tâm gia tốc <math>\geq 6.000</math> vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng kèm theo E-HSDT).</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>   |  |
| 10 | Bông hút   | 100% bông xơ tự nhiên có tính thấm hút tốt.   |  |
| 11 | Gạc hút y tế khổ 0,8m                              | Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, có độ thấm hút cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố.  |  |
| 12 | Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng | Gạc được dệt từ sợi 100% cotton, có độ thấm hút cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng.  |  |
| 13 | Kim tiêm   | Kim các số G18, G20, G23. Vi đưng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.   |  |
| 14 | Kim châm cứu dùng 1 lần các cỡ                     | Kim châm cứu dùng 1 lần các cỡ. Thân kim được làm bằng thép không gỉ. Được tiệt trùng bằng khí EO. Kích thước: 0.35x75mm; 0.30x40mm; 0.30x25mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.  |  |
| 15 | Kim luồn mạch máu an toàn                          | <p>Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau.</p> <p>Catheter nhựa: Có 4 đường cản quang ngầm, vật liệu FEP-Teflon.</p> <p>Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền.</p> <p>Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy <math>\geq 22</math>ml/phút.</p> <p>Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm.</p> <p>Có cơ chế trào máu 2 lần giúp xác nhận lấy ven thành công.</p> <p>Khoảng cách từ đầu mặt vít kim sắt đến đầu catheter <math>\leq 0.4</math>mm đảm bảo lực tác động, giảm đau.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p> |  |

|    |  |  |  |
|----|--|--|--|
| 16 | Gel siêu âm  | Gel bôi trơn gốc nước được dùng trong y tế<br>Gel trong suốt, không màu hoặc màu xanh,<br>không mùi.<br>Chỉ tiêu PH: 6,5±0,75.<br>Độ nhớt: 260.000-360.000 mPa.s.  |  |
| 17 | Giấy điện tim 3 cần                                  | KT: 63mm x 30m, dùng cho máy điện tim<br>3 cần.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương<br>đương.   |  |
| 18 | Cực điện tim   | KT: 50mm, dạng hình tròn.  |  |
| 19 | Chế phẩm sát khuẩn tay<br>phẫu thuật dùng trong y tế | Thành phần:<br>≥ 4%kl/kl Chlorhexidine Digluconate.<br>Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%.  |  |
| 20 | Dung dịch khử khuẩn mức<br>độ cao cho thiết bị y tế  | Thành phần:<br>Ortho-Phthalaldehyde ≥ 0,55% (w/w),<br>pH=7-9.<br>Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5<br>phút.<br>Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2)<br>Vi khuẩn: EN 14561<br>Nấm, mốc: EN 14562<br>Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN<br>14563<br>Virus: EN 17111<br>Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm. |  |
| 21 | Dung dịch tiệt khuẩn 2%                              | Thành phần: ≥ 2% Glutaraldehyde.<br>Không cần hoạt hóa, pH = 6.<br>Khử khuẩn mức độ cao: ≤ 10 phút.<br>Tái sử dụng trong 30 ngày (kèm test thử).   |  |
| 22 | Nhiệt kế thủy ngân                                   | Chức năng: Dùng để đo nhiệt độ cơ thể.<br>Dải đo nhiệt độ cơ thể: 35-42 °C.  |  |
| 23 | Mũ phẫu thuật  | Mũ dạng xếp. Màu xanh đồng đều, không<br>loang bần, không dính tạp chất.   |  |
| 24 | Chỉ phẫu thuật tự tiêu số<br>3/0                     | Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910,<br>được bao phủ bởi polyglactin và Calcium<br>stearat, số 3/0, dài tối thiểu 75cm, kim tròn.<br>Kim bao phủ Silicone, dài 26mm, độ cong<br>của kim 1/2 đường tròn.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương<br>đương.  |  |
| 25 | Chỉ phẫu thuật số 1                                  | Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910,<br>được bao phủ bởi polyglactin và Calcium<br>stearat, số 1, dài tối thiểu 90cm, kim tròn,<br>dài 40mm, độ cong của kim 1/2 đường tròn.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương<br>đương.   |  |

|    |                          |  |
|----|--------------------------|--|
| 26 | Chỉ Nylon 3/0            | Số 3/0, kim tam giác, 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu diệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.   |
| 27 | Chỉ Nylon 4/0            | Số 4/0. kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu diệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.  |
| 28 | Phim X Quang (20 x 25)cm | Phim khô laser cỡ 20x25cm, tương thích máy in phim khô laser, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.  |
| 29 | Phim CT                  | Phim khô laser cỡ 14x17 inch (35x43cm). Phim khô được xử lý nhiệt (Tương thích máy in phim máy in phim khô laser Konica Drypro Sigma 2).<br>Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 80-90%, Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer: 1-5%, Docosanoic acid, muối bạc (+1): 1-5%, Cellulose, acetate butanoate: <5%.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. |

**\* Lưu ý:**

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Catalogue hoặc các tài liệu có liên quan của toàn bộ hàng hóa dự thầu do hãng sản xuất hoặc đơn vị phân phối của hãng sản xuất tại Việt Nam phát hành để chứng minh hàng hóa dự thầu đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT. Tất cả tài liệu cung cấp phải bằng tiếng Việt, trong trường hợp bằng tiếng nước ngoài nhà thầu phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu cung cấp. Trường hợp E-HSMT thiếu các bản dịch tiếng Việt, nhà thầu phải chịu trách nhiệm bổ sung, làm rõ trong quá trình đánh giá E-HSMT.

- Các thông số kỹ thuật của hàng hóa ở trên chỉ nhằm mô tả thông số, yêu cầu kỹ thuật tối thiểu hàng hóa dự thầu phải đáp ứng mà không nhằm định hướng một loại hàng hóa, một hãng sản xuất cụ thể nào. Nhà thầu có thể chào thầu hàng hóa có thông số kỹ thuật, tính năng, công dụng tương đương hoặc cao hơn, đảm bảo tương thích với thiết bị hiện có tại Bệnh viện.

### ***1.3. Các yêu cầu khác***

- Tất cả hàng hóa cung cấp phải là hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam;

- Đối với hàng hóa có hạn sử dụng phải đảm bảo còn tối thiểu 2/3 hạn sử dụng của hàng hóa theo quy định của nhà sản xuất kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu.

- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Hàng hóa được bàn giao thành nhiều đợt trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời gian giao hàng từng đợt theo thông báo dự trù của Chủ đầu tư, cụ thể như sau:

+ Cung cấp hàng hóa trong điều kiện bình thường trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo dự trù của Chủ đầu tư;

+ Cung cấp hàng hóa trong trường hợp khẩn cấp trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo dự trù của Chủ đầu tư.



## **Mục 2. Bản vẽ**

Không có bản vẽ.

## **Mục 3. Kiểm tra, thử nghiệm:**

- + Thời gian kiểm tra: Ngay sau khi hàng hoá được giao tới địa điểm quy định.
- + Cách thức tiến hành kiểm tra: Hai bên tiến hành kiểm tra hàng hoá căn cứ theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết và các tài liệu có liên quan.
- + Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu do Nhà thầu thanh toán.
- + Những hàng hoá không đạt yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm Nhà thầu phải thay thế bằng những hàng hoá khác tương ứng cho đến khi được Chủ đầu tư chấp nhận.